

**QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

## QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013 ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin chung về Quỹ	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT)	5
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT)	7
Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT)	9
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT)	10
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 07 - QĐT)	11
Thuyết minh các báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT)	12

## QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

### THÔNG TIN CHUNG

<b>Giấy phép phát hành chứng chỉ Quỹ ra công chúng</b>	01/GP-QĐT cấp ngày 24 tháng 3 năm 2004
<b>Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ</b>	01/UBCK-NYQĐT cấp ngày 22 tháng 9 năm 2004
<b>Quyết định hủy niêm yết chứng chỉ Quỹ</b>	288/2013/QĐ-SGDHCM cấp ngày 26 tháng 8 năm 2013
<b>Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đóng</b>	01/UBCK-ĐKQĐT do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 5 năm 2004
<b>Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ mở</b>	05/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 10 năm 2013.  Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ đóng kể từ ngày ký.
<b>Ban đại diện Quỹ</b>	
Ông Lưu Đức Khánh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Kiên	Thành viên (từ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn Kiên Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2013)
Ông Phan Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Văn Phú	Thành viên
Ông Đặng Thái Nguyên	Thành viên
<b>Công ty Quản lý Quỹ</b>	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
<b>Ngân hàng giám sát của Quỹ đóng</b>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point Tower 2 Ngô Đức Kế, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
<b>Đơn vị kiểm toán</b>	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ đóng hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam để các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (“Quỹ”) tại ngày 8 tháng 10 năm 2013 (ngày chuyển đổi) và kết quả hoạt động của Quỹ trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày chuyển đổi. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

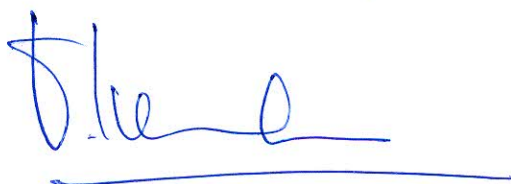
Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Công ty Quản lý Quỹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày chuyển đổi.

#### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 30. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 8 tháng 10 năm 2013 (ngày chuyển đổi) và kết quả hoạt động của Quỹ trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày chuyển đổi phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ đóng hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Lưu Đức Khánh

Chủ tịch

Ngày 28 tháng 2 năm 2014





## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (“Quỹ”) được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 28 tháng 2 năm 2014. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 8 tháng 10 năm 2013 (ngày chuyển đổi), báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày chuyển đổi và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 30.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) đối với các báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính này các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ đóng hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quý tại ngày 8 tháng 10 năm 2013 (ngày chuyển đổi) cũng như kết quả hoạt động của Quý trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày chuyển đổi, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quý đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ đóng hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

### Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Ian S. Lydall  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0559-2013-006-1



Đặng Quốc Tuấn  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0620-2013-006-1

Báo cáo kiểm toán số HCM3861  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 2 năm 2014

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày	Tại ngày
			8.10.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
<b>A. TÀI SẢN</b>				
110	1. Tiền gửi ngân hàng	3.1	316.480.912.897	136.388.407.494
120	2. Đầu tư chứng khoán	3.2	1.140.158.517.800	1.205.172.061.474
121	3. Đầu tư khác	3.3	401.000.000.000	180.000.000.000
130	4. Phải thu hoạt động đầu tư	3.4	-	1.144.964.400
131	5. Phải thu khác	3.5	38.441.749.744	6.247.902.819
<b>200</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>1.896.081.180.441</b>	<b>1.528.953.336.187</b>
<b>B. NGUỒN VỐN</b>				
<b>300</b>	<b>I. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.033.620.208</b>	<b>8.900.764.387</b>
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	3.6	25.135.520	5.192.782.933
312	2. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư		39.925.000	39.925.000
314	3. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ		93.360.212	92.000.000
315	4. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	3.7	4.114.147.957	2.641.874.865
318	5. Phải trả khác	3.8	761.051.519	934.181.589
<b>400</b>	<b>II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>3.10</b>	<b>1.891.047.560.233</b>	<b>1.520.052.571.800</b>
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư		2.224.170.820.910	2.224.170.820.910
	<i>Trong đó:</i>			
411	1.1 Vốn góp	3.9	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	1.2 Thặng dư vốn	3.10	1.224.170.820.910	1.224.170.820.910
420	2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	3.10	(333.123.260.677)	(704.118.249.110)
<b>430</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.896.081.180.441</b>	<b>1.528.953.336.187</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Giai đoạn	Niên độ
			từ 1.1.2013 đến 8.10.2013 VNĐ	kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ
<b>A. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN</b>				
<b>10</b>	<b>I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(360.843.400.855)</b>	<b>(197.444.219.993)</b>
11	1. Cổ tức được nhận		51.758.088.800	85.344.867.240
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		2.500.000.000	2.500.000.000
13	3. Lãi tiền gửi		33.274.651.526	18.630.489.526
14	4. Lỗ bán chứng khoán		(448.519.151.181)	(304.315.872.759)
18	5. Thu nhập khác		143.010.000	396.296.000
<b>30</b>	<b>II. Chi phí</b>		<b>(31.644.286.118)</b>	<b>(34.226.450.611)</b>
31	1. Phí quản lý Quỹ	3.12 (i)	(27.446.713.471)	(30.106.552.493)
32	2. Phí lưu ký, giám sát Quỹ	3.12 (ii)	(1.125.315.251)	(1.234.368.654)
33	3. Chi phí họp, đại hội		(618.369.140)	(452.572.530)
34	4. Chi phí kiểm toán		(444.147.506)	(300.960.000)
38	5. Phí và chi phí khác	3.11	(2.009.740.750)	(2.131.996.934)
<b>50</b>	<b>III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện</b>		<b>(392.487.686.973)</b>	<b>(231.670.670.604)</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
(tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1.1.2013 đến 8.10.2013 VNĐ	Niên độ kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ
<b>B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN</b>				
60	<b>I. Thu nhập</b>		<b>778.311.516.703</b>	<b>522.628.360.193</b>
61	1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư		778.311.516.703	522.628.360.193
70	<b>II. Chi phí</b>		<b>(14.828.841.297)</b>	<b>(69.240.908.368)</b>
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư		(14.828.841.297)	(69.240.908.368)
80	<b>III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện</b>		<b>763.482.675.406</b>	<b>453.387.451.825</b>
90	<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>		<b>370.994.988.433</b>	<b>221.716.781.221</b>



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh  
Nguyễn Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng  
Ngày 28 tháng 2 năm 2014



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh  
Hà Thị Thúy Vinh  
Phó Giám đốc  
Ngày 28 tháng 2 năm 2014



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam  
Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính  
Ngày 28 tháng 2 năm 2014



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam  
Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 2 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÀI SẢN

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 8.10.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
1	Tiền	316.480.912.897	136.388.407.494
2	Các khoản đầu tư	1.541.158.517.800	1.385.172.061.474
2.1	Trái phiếu	-	28.750.000.000
2.2	Cổ phiếu	1.140.158.517.800	1.176.422.061.474
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	1.140.158.517.800	1.097.931.925.700
2.2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	78.490.135.774
2.3	Đầu tư khác	401.000.000.000	180.000.000.000
3	Cổ tức được nhận	8.165.455.040	4.208.500.040
4	Lãi được nhận	30.276.294.704	2.039.402.779
5	Phải thu bán chứng khoán	-	1.144.964.400
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.896.081.180.441</b>	<b>1.528.953.336.187</b>
6	Phải trả giao dịch chứng khoán	25.135.520	5.192.782.933
7	Phải trả khác	5.008.484.688	3.707.981.454
	<b>Tổng nợ</b>	<b>5.033.620.208</b>	<b>8.900.764.387</b>
	<b>Tài sản ròng của Quỹ</b>	<b>1.891.047.560.233</b>	<b>1.520.052.571.800</b>
8	Tổng số đơn vị quỹ	100.000.000	100.000.000
9	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	18.910	15.201

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh  
 Nguyễn Thị Thu Hiền  
 Kế toán trưởng  
 Ngày 28 tháng 2 năm 2014



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh  
 Hà Thị Thúy Vinh  
 Phó Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 2 năm 2014

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam  
 Nguyễn Minh Đăng Khánh  
 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính  
 Ngày 28 tháng 2 năm 2014



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam  
 Trần Thanh Tân  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 2 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.







**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
TẠI NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013**

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 8.10.2013 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			<b>1.140.158.517.800</b>	<b>60,13</b>
1	DPM	2.770.530	41.100	113.868.783.000	6,01
2	MBB	4.000.000	13.900	55.600.000.000	2,93
3	REE	3.551.270	26.000	92.333.020.000	4,87
4	FPT	3.698.320	45.900	169.752.888.000	8,95
5	VNM	2.496.767	140.000	349.547.380.000	18,44
6	PVD	1.064.780	68.000	72.405.040.000	3,82
7	HAG	462.141	21.800	10.074.673.800	0,53
8	DBC	1.913.216	16.900	32.333.350.400	1,71
9	GAS	1.159.710	68.000	78.860.280.000	4,16
10	DPR	805.560	48.600	39.150.216.000	2,06
11	HPG	1.559.214	36.400	56.755.389.600	2,99
12	MSN	528.280	84.500	44.639.660.000	2,35
13	BMP	43.690	76.500	3.342.285.000	0,18
14	DRC	516.720	41.600	21.495.552.000	1,13
<b>II</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>439.441.749.744</b>	<b>23,18</b>
1	Cổ tức được nhận			8.165.455.040	0,43
2	Lãi phải thu			30.276.294.704	1,60
3	Đầu tư khác			401.000.000.000	21,15
<b>III</b>	<b>Tiền</b>			<b>316.480.912.897</b>	<b>16,69</b>
1	Tiền gửi ngân hàng			316.480.912.897	16,69
<b>IV</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>1.896.081.180.441</b>	<b>100,00</b>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh  
Nguyễn Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng  
Ngày 28 tháng 2 năm 2014



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh  
Hà Thị Thúy Vinh  
Phó Giám đốc  
Ngày 28 tháng 2 năm 2014

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam  
Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính  
Ngày 28 tháng 2 năm 2014



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam  
Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 2 năm 2014



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy phép số 01/GP-QĐT ngày 24 tháng 3 năm 2004 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp. Theo quy định của Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 30.000.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian 10 năm theo Quyết định số 01/UBCK-ĐKQĐT ngày 20 tháng 5 năm 2004 của UBCKNN.

Quỹ được niêm yết tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/UBCK-NYQĐT ngày 22 tháng 9 năm 2004 của UBCKNN.

Theo Quyết định số 486/QĐ-UBCK ngày 5 tháng 7 năm 2006 của UBCKNN, Quỹ được phép phát hành thêm 20.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ nhằm tăng số đơn vị quỹ lên 50.000.000 đơn vị quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ cũng tăng tương ứng lên 500 tỷ đồng Việt Nam.

Theo Quyết định số 144/QĐ-UBCK ngày 15 tháng 3 năm 2007 của UBCKNN, Quỹ được phép phát hành thêm 50.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ nhằm tăng số đơn vị quỹ lên 100.000.000 đơn vị quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ cũng tăng tương ứng lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ đại chúng số 05/GCN-UBCK ngày 8 tháng 10 năm 2013 của UBCKNN, Quỹ được phép chuyển đổi thành quỹ mở với vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng Việt Nam và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Do mục đích chuyển đổi Quỹ từ quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng sang quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, chứng chỉ Quỹ đã tạm hủy niêm yết khỏi sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 288/2013/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 8 năm 2013.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được bổ nhiệm làm ngân hàng giám sát của Quỹ cho đến ngày chuyển đổi. Từ ngày 8 tháng 10 năm 2013, Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) được chỉ định là ngân hàng giám sát của Quỹ.

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư và duy trì danh mục đầu tư cân đối và đa dạng, có khả năng đem lại lợi nhuận và/hoặc lãi trên vốn cao nhất nhưng đồng thời vẫn giảm thiểu rủi ro. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và cổ phiếu sẽ niêm yết. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ nhắm đến trong quá trình đầu tư là làm tăng giá trị các khoản đầu tư thông qua việc giúp các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, qua đó đem lại lợi ích cho các nhà đầu tư, đồng thời tăng giá trị của các hoạt động đầu tư do Quỹ thực hiện.



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ đóng hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam và được trình bày trên các báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 8 tháng 10 năm 2013 (ngày chuyển đổi).

**2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.5 Đầu tư chứng khoán**

***Phân loại***

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

***Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận***

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Quý ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quý đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Thông tư số 224/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên.

***Đánh giá lại***

(a) *Cổ phiếu niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng kí giao dịch trên hệ thống UpCom*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá
- Giá trị sổ sách
- Giá mua
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

(b) *Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- (i) Giá yết (nếu có) trên hệ thống báo giá của cơ quan chức năng theo quy định
- (ii) Giá trị trung bình của các giao dịch trong kỳ dựa trên báo giá của ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát
- (iii) Trường hợp giá nêu tại điểm (b)(i) và (b)(ii) nêu trên không xác định được, các cổ phiếu này được định giá theo thứ tự ưu tiên như sau:
  - Giá trung bình từ hai (2) tổ chức báo giá
  - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày định giá
  - Giá trị sổ sách
  - Giá mua
  - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.5 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)**

***Đánh giá lại (tiếp theo)***

*(c) Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá yết (nếu có) trên hệ thống báo giá của cơ quan chức năng theo quy định
- Giá trị sổ sách
- Mệnh giá
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

*(d) Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

*(e) Cổ phần, phần vốn góp khác*

Các khoản đầu tư này được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá trị sổ sách
- Giá mua/ giá trị vốn góp
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

*(f) Trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán*

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.

Các trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá được đánh giá lại theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

*(g) Trái phiếu không niêm yết*

Trái phiếu không niêm yết được định giá theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá
- Giá mua cộng lãi lũy kế
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.5 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)**

***Đánh giá lại (tiếp theo)***

*(h) Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi*

Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi được định giá như sau:

- Giá bình quân của ba (3) công ty chứng khoán được Ban đại diện Quỹ chấp thuận, hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận trong trường hợp không có giao dịch

***Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư***

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

**2.6 Vốn và thặng dư vốn**

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa số tiền thực nhận khi phát hành và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành.

**2.7 Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ**

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

**2.8 Tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

**2.9 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**2.10 Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.11 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quý có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

**2.12 Thuế**

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành, khi Quý trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Quý cần giữ lại 25% lợi nhuận phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật), kê khai và nộp thuế thay cho nhà đầu tư.

**2.13 Các khoản chi phí**

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ hoạt động mua chứng khoán mà đã được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

**2.14 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quý nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quý được thiết lập.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.15 Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu**

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

**2.16 Quyền mua cổ phiếu**

Giá trị quyền mua một cổ phiếu được ghi nhận theo giá thị trường trừ đi giá được mua. Giá trị của quyền mua sẽ được đánh giá lại vào ngày báo cáo.

**2.17 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quý hoặc chịu sự kiểm soát của Quý, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quý. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quý mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quý, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quý, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**2.18 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

**2.19 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG**

**3.1 Tiền gửi ngân hàng**

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam vào thời điểm cuối kỳ tại các ngân hàng sau đây:

	Tại ngày 8.10.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
1. Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	3.480.912.897	18.388.407.494
2. Tiền gửi có kỳ hạn:		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	15.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	187.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	111.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	-	112.000.000.000
	316.480.912.897	136.388.407.494

**3.2 Đầu tư chứng khoán**

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quý không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2.5, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)**

**3.2 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)**

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua VNĐ	Lãi do đánh giá lại VNĐ	Giá thị trường tại ngày 8.10.2013 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	839.385.153.880	300.773.363.920	1.140.158.517.800
		(Lỗ)/ lãi do đánh giá lại VNĐ	Giá thị trường tại ngày 31.12.2012 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	1.453.780.050.950	(355.848.125.250)	1.097.931.925.700
Cổ phiếu chưa niêm yết	189.060.226.120	(110.570.090.346)	78.490.135.774
Trái phiếu chuyển đổi	25.041.095.890	3.708.904.110	28.750.000.000
	<u>1.667.881.372.960</u>	<u>(462.709.311.486)</u>	<u>1.205.172.061.474</u>

**3.3 Đầu tư khác**

Các khoản đầu tư khác thể hiện số tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn ban đầu trên ba tháng và dưới một năm kể từ ngày gửi.

	Tại ngày 8.10.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
<b>Tiền gửi có kỳ hạn tại:</b>		
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	258.000.000.000	149.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	119.000.000.000	31.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	24.000.000.000	-
	<u>401.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>

**3.4 Phải thu hoạt động đầu tư**

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau ba (3) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)**

**3.5 Phải thu khác**

	Tại ngày 8.10.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	30.276.294.704	2.039.402.779
Phải thu cổ tức	8.165.455.040	4.208.500.040
	<u>38.441.749.744</u>	<u>6.247.902.819</u>

**3.6 Phải trả hoạt động đầu tư**

	Tại ngày 8.10.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
Khoản đầu tư chờ thanh toán (*)	-	5.055.434.000
Phí môi giới phải trả	25.135.520	137.348.933
	<u>25.135.520</u>	<u>5.192.782.933</u>

(\*) Khoản đầu tư chờ thanh toán thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau ba (3) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**3.7 Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát**

	Tại ngày 8.10.2013 VNĐ	Tại ngày 31.12.2012 VNĐ
Phí quản lý Quỹ	3.952.111.390	2.537.824.078
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	162.036.567	104.050.787
	<u>4.114.147.957</u>	<u>2.641.874.865</u>

**3.8 Phải trả khác**

Số dư này thể hiện số phí kiểm toán và các khoản phải trả khác.



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)**

**3.9 Vốn góp của nhà đầu tư**

Mỗi đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Tất cả đơn vị quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn, và các quyền khác ngang nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

**3.10 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp VNĐ	Thặng dư vốn VNĐ	Kết quả hoạt động chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1.1.2012	1.000.000.000.000	1.224.170.820.910	(925.835.030.331)	<b>1.298.335.790.579</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	221.716.781.221	<b>221.716.781.221</b>
Tại ngày 31.12.2012	1.000.000.000.000	1.224.170.820.910	(704.118.249.110)	<b>1.520.052.571.800</b>
Lợi nhuận trong giai đoạn	-	-	370.994.988.433	<b>370.994.988.433</b>
Tại ngày 8.10.2013	1.000.000.000.000	1.224.170.820.910	(333.123.260.677)	<b>1.891.047.560.233</b>

**3.11 Phí và chi phí khác**

	Giai đoạn từ 1.1.2013 đến 8.10.2013 VNĐ	Niên độ kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ
Phí thiết kế, in ấn, gửi thư	40.178.000	85.706.320
Công tác phí Ban Đại diện Quỹ	179.793.191	222.097.742
Phí môi giới bán chứng khoán	1.032.391.052	752.449.219
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 3.12(iii))	461.360.212	598.000.000
Chi phí quản lý niêm yết và lưu ký chứng khoán	194.420.620	314.738.002
Chi phí khác	101.597.675	159.005.651
	<b>2.009.740.750</b>	<b>2.131.996.934</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)**

**3.12 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

*i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam, công ty Quản lý của Quỹ*

	<b>Giai đoạn từ 1.1.2013 đến 8.10.2013 VNĐ</b>	<b>Niên độ kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ</b>
Phí quản lý Quỹ	27.446.713.471	30.106.552.493

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ hàng năm và phí thưởng hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng. Mức thưởng hoạt động được tính vào cuối năm và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm. Mức thưởng hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư của những năm trước năm báo cáo bị lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Trong kỳ không phát sinh phí thưởng hoạt động (2012: 0).

*ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank"), ngân hàng giám sát*

	<b>Giai đoạn từ 1.1.2013 đến 8.10.2013 VNĐ</b>	<b>Niên độ kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ</b>
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	1.125.315.251	1.234.368.654

Quỹ đã chỉ định Vietcombank làm ngân hàng giám sát. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng giám sát một khoản phí giám sát quỹ và quản phí lưu ký hàng tháng lần lượt bằng một phần mười hai của không phẩy không hai phần trăm (0,02%) và không phẩy không sáu phần trăm (0,06%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng. Phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%.

*iii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ*

	<b>Giai đoạn từ 1.1.2013 đến 8.10.2013 VNĐ</b>	<b>Niên độ kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ</b>
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ	461.360.212	598.000.000



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**3 THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)**

**3.12 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

*iii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ (tiếp theo)*

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động.

**4 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT**

**I. Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư**

	Tại ngày 8.10.2013 %	Tại ngày 31.12.2012 %
1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng tài sản	60,13	78,82
2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng tài sản	60,13	76,94
3. Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng tài sản	60,13	71,81
4. Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng tài sản	-	5,13
5. Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng tài sản	-	1,88
6. Tỷ lệ các loại đầu tư khác/Tổng tài sản	21,15	11,77
7. Tỷ lệ tiền mặt/Tổng tài sản	16,69	8,92
8. Tỷ lệ bất động sản/Tổng tài sản	-	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	<b>Giai đoạn từ 1.1.2013 đến 8.10.2013 %</b>	<b>Niên độ kết thúc ngày 31.12.2012 %</b>
9. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng tài sản	21,24	16,74
10. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng tài sản	1,67	2,24
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**4 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT (tiếp theo)**

**II. Các chỉ số thị trường**

	<b>Tại ngày 8.10.2013</b>	<b>Tại ngày 31.12.2012</b>
1. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (ccq)	100.000.000	100.000.000
2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty Quản lý Quỹ cuối kỳ (%)	0,429%	0,068%
3. Giá trị đơn vị quỹ (VNĐ)	18.910	15.201
	<u>                    </u>	<u>                    </u>
	<b>Giai đoạn từ 1.1.2013 đến 8.10.2013</b>	<b>Niên độ kết thúc ngày 31.12.2012</b>
4. Tỷ lệ giao dịch cổ phiếu quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ trong kỳ	35,96%	32,36%
	<u>                    </u>	<u>                    </u>

**5 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**5 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Quý chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được quy định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và phải thu từ cổ tức. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 8 tháng 10 năm 2013.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là đảm bảo Quý luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quý bao gồm chứng khoán niêm yết. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quý có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quý thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quý.



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**5 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Tại ngày 8 tháng 10 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	<b>Dưới 1 năm VNĐ</b>	<b>Từ 1 đến 2 năm VNĐ</b>	<b>Từ 2 đến 5 năm VNĐ</b>
<b>Tại ngày 8 tháng 10 năm 2013</b>			
Phải trả hoạt động đầu tư	25.135.520	-	-
Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư	39.925.000	-	-
Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	93.360.212	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	4.114.147.957	-	-
Phải trả khác	761.051.519	-	-
	<u>5.033.620.208</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
Phải trả hoạt động đầu tư	5.192.782.933	-	-
Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư	39.925.000	-	-
Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ	92.000.000	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	2.641.874.865	-	-
Phải trả khác	934.181.589	-	-
	<u>8.900.764.387</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Quỹ không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**5 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quý nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý là rất nhỏ vì hầu hết các khoản tiền gửi đều hưởng lãi suất cố định và có thời hạn thu hồi trong vòng một năm.

***Rủi ro tiền tệ***

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quý bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quý không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quý là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quý.

***Rủi ro giá thị trường***

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quý đầu tư vào chứng khoán niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quý quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 8 tháng 10 năm 2013, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (31.12.2012: 10%) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Quý sẽ cao hơn/thấp hơn 114.015.851.780 đồng (31.12.2012: 117.642.206.147 đồng) tương ứng.



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**5 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	8.10.2013	31.12.2012	8.10.2013	31.12.2012
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	1.140.158.517.800	1.205.172.061.474	1.140.158.517.800	1.205.172.061.474
- Trái phiếu	-	28.750.000.000	-	28.750.000.000
- Cổ phiếu niêm yết	1.140.158.517.800	1.097.931.925.700	1.140.158.517.800	1.097.931.925.700
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	78.490.135.774	-	78.490.135.774
Các khoản đầu tư khác	401.000.000.000	180.000.000.000	401.000.000.000	180.000.000.000
Các khoản phải thu	38.441.749.744	7.392.867.219	38.441.749.744	7.392.867.219
- Phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	1.144.964.400	-	1.144.964.400
- Phải thu khác	38.441.749.744	6.247.902.819	38.441.749.744	6.247.902.819
Tiền	316.480.912.897	136.388.407.494	316.480.912.897	136.388.407.494
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.896.081.180.441</b>	<b>1.528.953.336.187</b>	<b>1.896.081.180.441</b>	<b>1.528.953.336.187</b>
<b>Nợ tài chính phải trả</b>				
Phải trả hoạt động đầu tư chứng khoán	25.135.520	5.192.782.933	25.135.520	5.192.782.933
Phải trả cho các bên có liên quan	4.207.508.169	2.733.874.865	4.207.508.169	2.733.874.865
Phải trả khác	800.976.519	974.106.589	800.976.519	974.106.589
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.033.620.208</b>	<b>8.900.764.387</b>	<b>5.033.620.208</b>	<b>8.900.764.387</b>

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc lợi ích thông thường của giao dịch tại ngày đánh giá lại.

Quỹ áp dụng phương pháp định giá tài sản ròng theo thông tư 224/2012/TT-BTC để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính bằng giá trị thực tế tại ngày 8 tháng 10 năm 2013 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2013  
ĐẾN NGÀY 8 THÁNG 10 NĂM 2013 (NGÀY CHUYỂN ĐỔI)**

**7 PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 8 tháng 10 năm 2013 (ngày chuyển đổi) được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để phát hành vào ngày 28 tháng 2 năm 2014.



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh  
Nguyễn Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh  
Hà Thị Thúy Vinh  
Phó Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam  
Nguyễn Minh Đăng Khánh  
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam  
Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc